

Bản án số: 41/2026/HS-ST
Ngày 25 tháng 6 năm 2026

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 - THANH HÓA**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Thắng.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trịnh Thị Huệ.

Ông Nguyễn Ngọc Khuê.

Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Hằng - Thư ký viên, Tòa án nhân dân khu vực 6 - Thanh Hóa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 - Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Bà Lại Thị Hồng - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 6 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 6 - Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 33/2026/TLST-HS ngày 13 tháng 5 năm 2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 1008/2026/QĐXXST-HS ngày 04 tháng 6 năm 2026 đối với:

Bị cáo **Phạm Văn T**; sinh ngày 02 tháng 10 năm 1990 tại Thanh Hóa; số CCCD 038090019961; nơi ĐKKTT và cư trú: Thôn Y, xã L, tỉnh Thanh Hóa; nơi làm việc: Công ty Xi măng Long Sơn tỉnh T; nghề nghiệp: Công nhân; Trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn V và bà Mai Thị M; vợ: Hoàng Thị T1 và có 02 con; tiền sự; tiền án: Không; đảng viên Chi bộ Yên Thôn, xã L, đã đình chỉ sinh hoạt đảng theo Quyết định đình chỉ sinh hoạt đảng số 12-QĐ/UBKTĐU ngày 08/5/2026 của Ủy ban kiểm tra Đảng ủy xã L; bị cáo đang áp dụng biện pháp “Cấm đi khỏi nơi cư trú”. Có mặt.

Bị hại: Ông Mai Văn T2, sinh năm 1968; số CCCD 038068033832. Có mặt.

Địa chỉ: Thôn T, xã L, tỉnh Thanh Hóa.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại: Ông Nguyễn Anh T3 và ông Vũ Văn T4 là Luật sư Công ty L thuộc Đoàn Luật sư thành phố H. (Có mặt ông Nguyễn Anh T3).

Địa chỉ: Số B, H, phường H, thành phố Hà Nội.

Người làm chứng:

1. Ông Trần Văn C, sinh năm 1957. Có mặt.

Địa chỉ: Thôn T, xã L, tỉnh Thanh Hóa.

2. Ông Trần Văn N, sinh năm 1965. Có mặt.

Địa chỉ: Thôn T, xã L, tỉnh Thanh Hóa.

3. Anh Phạm Thanh T5, sinh năm 1983. Có mặt.

Địa chỉ: Thôn Y, xã L, tỉnh Thanh Hóa.

4. Ông Trần Văn T6, sinh năm 1968. Có mặt.

Địa chỉ: Thôn T, xã L, tỉnh Thanh Hóa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Tối ngày 26/10/2025, Phạm Văn T dùng kích điện để kích cá tại khu vực cánh đồng trước nhà ông Mai Văn T2 thì bị ông T2 phát hiện, nhắc nhở và dọa sẽ báo Công an nên T dừng lại đi về; khi đi đến đường bê tông đoạn qua cổng nhà ông T2, thấy ông T2 đang đi bộ đến, vừa đi vừa chửi bới nên T bực tức dừng xe lại; hai bên lời qua tiếng lại, chửi bới, thách thức nhau; ông T2 lấy điện thoại gọi báo Công an xã về việc Tiên kích cá; thấy vậy, T lên xe đi về nhưng bị ông T2 chặn xe lại, hai bên giằng co làm bánh trước xe máy của T va chạm vào đuôi bên phải của ông T2; ông T2 liền dùng 01 tay giữ đầu xe lại không cho đi, đồng thời giật 01 cần kích cá trên tay T, chiếc còn lại bị T bẻ gãy cầm trên tay dọa đánh ông T2 nhưng được anh Trần Văn T6 ở cùng thôn can ngăn nên T dừng lại, ném cần kích cá xuống ruộng lúa và ra về; khi về đến nhà, T nói với anh trai là Phạm Thanh T5 và gọi ông Trần Văn N cùng đi đến nhà ông T2 để nói chuyện; khoảng 20^h20' khi T, anh T5 và ông N đi đến trước cổng nhà ông T2 thì thấy ông T2 cùng ông Trần Văn C (Tổ viên Tổ an ninh thôn T được Công an xã L cử đến để nắm bắt tình hình) đang đứng trong sân nói chuyện; thấy vậy T đứng ngoài cổng to tiếng, thách thức nên ông C và ông T2 đi ra; giữa T và ông T2 tiếp tục lời qua tiếng lại chửi bới, thách thức nhau; ông T2 cầm viên gạch ở tay phải giơ lên định đánh T được can ngăn nên ông T2 vút gạch xuống đất; ông N và ông C xô đẩy anh T5 và T ra về nhưng ông T2 tiếp tục dùng chân đạp vào người T, nên T đã dùng tay nắm 02 phát vào phần mồm và mặt bên trái của ông T2, làm ông T2 bị thương, chảy máu; mọi người can ngăn nên T đi về nhà, còn ông T2 được đưa đến Bệnh viện Đ điều trị.

Biên bản làm việc xem xét dấu vết trên thân thể của ông Mai Văn T2 hồi 23^h20' ngày 26/10/2025, tại Bệnh viện Đ, tỉnh Thanh Hóa ghi nhận ông T2 bị các thương tích sau:

- Vùng môi trên: Bên trái có vết thương kích thước 02x01cm, bờ sắc chảy máu.

- Gò má trái: Sưng nề, ấn đau.

Quá trình điều trị thương tích tại Bệnh viện Đ, ông Mai Văn T2 phải gấp bỏ 04 răng R31, 32, 41, 42.

Ngày 21/11/2025 và ngày 22/12/2025, ông Mai Văn T2 có đơn đề nghị giám định thương tích và yêu cầu khởi tố vụ án, khởi tố bị can đối với Phạm Văn T vì đã có hành vi dùng tay gây thương tích cho ông.

Kết luận giám định tổn thương cơ thể trên người sống số 2298/KL-KTHS ngày 15/4/2026 của V1, Bộ C1 kết luận: Áp dụng phương pháp xác định tỷ lệ tổn thương cơ thể quy định tại Thông tư 22/2019/TT-BYT ngày 28/8/2019 của Bộ Y, xác định tổng tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của ông Mai Văn T2 tại thời điểm giám định là 11% (Mười một phần trăm).

Thông tư 22/2019/TT-BYT ngày 28/8/2019 của Bộ Y không quy định tỷ lệ tổn thương cơ thể đối với các tổn thương lung lay răng nên không có cơ sở xác định tỷ lệ tổn thương cơ thể đối với các tổn thương lung lay 04 răng cửa hàm trên của ông Mai Văn T2.

Vỡ xoang hàm phải là tổn thương cũ không liên quan tới chấn thương ngày 26/10/2025, nên không xếp loại tỷ lệ tổn thương cơ thể.

Về cơ chế hình thành thương tích: Các tổn thương vùng gò má trái, môi trên bên trái, mất răng do vật tày gây nên.

Quá trình điều tra, cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh T tiến hành thu giữ 04 đoạn video được trích xuất từ camera lắp đặt tại gia đình ông Mai Văn T2 được lưu trong 01 USB màu ghi, loại “piko”, dung lượng 4GB, nội dung ghi nhận hình ảnh tại khu vực nơi xảy ra vụ việc.

Kết luận giám định số 1347/KL-KTHS ngày 06/3/2026 của Phòng K, Công an tỉnh T kết luận: Không tìm thấy dấu vết cắt ghép, chỉnh sửa nội dung hình ảnh trong các tệp video lưu trong mẫu vật gửi giám định. Trích xuất 03 ảnh trong trong 02 trang giấy A4. Trong video và các hình ảnh đã giám định nêu trên không phát hiện có hình ảnh xô xát giữa ông Mai Văn T2 và Phạm Văn T.

Về bồi thường dân sự: Hai bên chưa thỏa thuận được với nhau về mức bồi thường; quá trình giải quyết vụ án, Phạm Văn T đã tự nguyện nộp số tiền 30.000.000 đồng tại Thi hành án dân sự tỉnh Thanh Hóa để bồi thường cho bị hại.

Cáo trạng số 67/CT-VKSKV6 ngày 10 tháng 5 năm 2026 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 - Thanh Hóa truy tố bị cáo Phạm Văn T về tội “Cố ý gây thương tích” theo khoản 1 Điều 134 của Bộ luật Hình sự.

Kiểm sát viên giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: Khoảng 20^h20’ ngày 26/10/2025, tại thôn T, xã L, tỉnh Thanh Hóa bị cáo Phạm Văn T đã có hành vi dùng tay nắm gây thương tích cho ông Mai Văn T2 với tỷ lệ tổn thương cơ thể là 11%.

Do đó giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo về tội danh nêu trên; sau khi đánh giá tính chất vụ án, xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự; đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 134; điểm b, i, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 65; Điều 48 của Bộ luật Hình sự; khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 584; 585; 590 của Bộ luật Dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14; đề nghị tuyên bố bị cáo Phạm Văn T phạm tội “Cố ý gây thương tích”; áp dụng hình phạt đối với bị cáo từ 09 tháng tù đến 12 tháng tù, cho hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách gấp đôi; về bồi thường dân sự chấp nhận

sự thỏa thuận bồi thường giữa bị cáo, bị hại tại phiên tòa gồm các khoản chi phí cho việc điều trị 14.449.824 đồng, thu nhập bị mất 14.000.000 đồng, thu nhập bị mất của người chăm sóc 5.000.000 đồng và buộc bị cáo Phạm Văn T bồi thường cho bị hại khoản tiền bù đắp tổn thất về tinh thần tương đương 12 tháng lương cơ sở; Dành quyền dân sự về việc bồi thường thiệt hại trồng 04 chiếc răng; buộc bị cáo chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm.

Bị hại trình bày lời buộc tội tại phiên tòa: Giữ nguyên yêu cầu khởi tố vụ án hình sự theo đơn đề nghị ngày 21/11/2025 và ngày 22/12/2025;

Ngày 26/10/2025 Phạm Văn T dùng kích điện kích cá trái phép bị tôi nhắc nhở, đã chửi bới, nên tôi gọi điện báo Công an; T đã đi xe máy tông vào đùi tôi; sau đó gọi anh trai lên nhà tôi chửi tôi rồi hai anh em nhà T đã dùng tay đâm tôi vào phần môm và mặt gây nên các thương tích theo Biên bản khám thương ngày 26/10/2025 của Bệnh viện Đ;

Về thiệt hại tôi đề nghị bồi thường các chi phí điều trị khám chữa bệnh, tiền xe đi cấp cứu tại các bệnh viện tổng 14.449.824 đồng; tiền thu nhập thực tế bị mất 25 ngày nằm viện và 03 tháng nằm tĩnh dưỡng là 14.000.000 đồng; chi phí trả công người chăm sóc 5.000.000 đồng; tiền tổn hại về tinh thần theo quy định của pháp luật và tiền làm răng giả nay tôi chưa trồng lại nhưng có báo giá của cơ sở làm răng.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại Luật sư Nguyễn Anh T3 có ý kiến: Tại phiên tòa Luật sư xuất trình đoạn Clip được trích xuất từ Camera an ninh của nhà ông T2 (video này đã giao nộp cho cơ quan điều tra và đã được cơ quan điều tra giám định) để Hội đồng xét xử xem xét về thái độ của bị cáo khi xảy ra xô xát tại nhà ông T2.

Luật sư đề nghị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự với bị cáo là “Phạm tội có tính chất côn đồ”; chỉ áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự “Tự nguyện bồi thường thiệt hại”, “Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng”, “Người phạm tội thành khẩn khai báo”, không áp dụng tình tiết giảm nhẹ “Người phạm tội ăn năn hối cải”; về dân sự buộc bị cáo bồi thường cả phần chi phí cho việc trồng răng, không tách phần dân sự này; đề nghị áp dụng mức hình phạt 03 năm tù với bị cáo.

Kiểm sát viên đối đáp: Luật sư đề nghị áp dụng tình tiết tăng nặng với bị cáo là “Phạm tội có tính chất côn đồ”, không áp dụng tình tiết giảm nhẹ “Người phạm tội ăn năn hối cải”, buộc bị cáo bồi thường cả phần chi phí cho việc trồng răng, không tách phần dân sự này là không có căn cứ; việc đề nghị áp dụng mức hình phạt 03 năm tù với bị cáo là không tương xứng với tính chất vụ án, hành vi phạm tội, bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nhân thân tốt, phạm tội ít nghiêm trọng; nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng mức hình phạt cho bị cáo như phần luận tội của Viện kiểm sát.

Tại phiên tòa bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội đúng như Cáo trạng đã truy tố, đồng ý với luận tội của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa; bị cáo nói lời nói

sau cùng gia đình bị cáo hiện nay rất khó khăn, các con còn nhỏ, bị cáo là lao động chính, bố đẻ bị cáo là thương binh hạng nặng đã chết, mẹ già yếu; sự việc xảy ra bị cáo rất ân hận nên trong thời gian qua bị cáo cùng với vợ, mẹ bị cáo đã thường xuyên lên gia đình bị hại để thăm hỏi và xin lỗi trong thời gian điều trị và khi bị hại đã về nhà; nay tại phiên tòa bị cáo thành thật xin lỗi bị hại, mong bị hại tha thứ cho những vi phạm của bị cáo; nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng mức hình phạt nhẹ nhất và được cải tạo tại địa phương.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Vụ án này được khởi tố theo yêu cầu của bị hại (ngày 21/11/2025 và ngày 22/12/2025, ông Mai Văn T2 có đơn đề nghị giám định thương tích và yêu cầu khởi tố vụ án, khởi tố bị can), trong quá trình thụ lý và xét xử vụ án bị hại không có đơn rút yêu cầu khởi tố, do đó Hội đồng xét xử quyết định đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

[2] Về tội danh: Quá trình xét hỏi và tranh luận công khai tại phiên tòa bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với các lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với các lời khai người làm chứng trong vụ án, cũng như các tài liệu chứng cứ khác được thu thập khách quan đúng pháp luật có trong hồ sơ vụ án xét thấy:

Tại phiên tòa bị hại trình bày lời buộc tội: Ngoài việc gây thương tích của bị cáo Phạm Văn T thì còn anh Phạm Thanh T5 gây thương tích cho bị hại; căn cứ Biên bản làm việc xem xét dấu vết trên thân thể của ông Mai Văn T2 hồi 23^h20' ngày 26/10/2025 tại Bệnh viện Đ ghi nhận ông T2 bị 02 thương tích “vùng môi trên, gò má trái” phù hợp với hành vi của bị cáo, ngoài ra không còn có thương tích nào khác; lời khai của người làm chứng là ông N, ông C là người trực tiếp có mặt tại nơi xô xát chỉ thấy ông T2 có dùng chân đạp bị cáo nên bị cáo đã dùng tay đấm ông T2 02 phát vào vùng mặt, anh T5 trước đó đã được ông N và ông C xô đẩy ra ngoài; ngoài lời khai của ông T2 là có thấy anh T5 đấm ông, thì không có tài liệu, chứng cứ nào thể hiện việc anh T5 đấm ông T2; do đó không căn cứ để kết luận việc anh T5 gây thương tích theo lời khai của bị hại.

Từ đó có đủ cơ sở kết luận: Xuất phát từ việc ngày 26/10/2025 Phạm Văn T dùng kích điện để kích cá tại khu vực cánh đồng trước nhà ông Mai Văn T2 thì bị

ông T2 phát hiện, nhắc nhở nên hai bên lời qua tiếng lại, chửi bới, thách thức nhau; ông T2 lấy điện thoại gọi báo Công an xã về việc Tiên kích cá và bị ông T2 chặn xe lại, hai bên giằng co làm bánh trước xe máy của T và chạm vào đuôi bên phải của ông T2; ông T2 liền dùng 01 tay giữ đầu xe lại không cho đi, đồng thời giật 01 cần kích cá trên tay T, chiếc còn lại T bẻ gãy cầm trên tay dọa đánh ông T2 nhưng được anh Trần Văn T6 ở cùng thôn can ngăn nên T dừng lại, ném cần kích cá xuống ruộng lúa và ra về; khi về đến nhà, T nói với anh trai là Phạm Thanh T5 và gọi ông Trần Văn N cùng đi đến nhà ông T2 để nói chuyện; khoảng 20^h20' khi T, anh T5 và ông N đi đến trước cổng nhà ông T2 thì lúc này ông T2 cùng ông Trần Văn C là tổ viên Tổ an ninh thôn T, xã L được cử đến để nắm bắt tình hình đang đứng trong sân nói chuyện; thấy vậy T đứng ngoài cổng to tiếng, thách thức, nên ông C và ông T2 đi ra, giữa T và ông T2 tiếp tục lời qua tiếng lại chửi bới, thách thức nhau; ông T2 cầm viên gạch ở tay phải giơ lên định đánh T thì được can ngăn nên ông T2 vứt gạch xuống đất; ông N và ông C xô đẩy anh T5 và T ra về nhưng ông T2 tiếp tục dùng chân đạp vào người T, nên T đã dùng tay đâm 02 phát vào phần móm và mặt bên trái của ông T2, làm ông T2 bị thương, chảy máu và được đưa đến Bệnh viện Đ điều trị; còn T được mọi người can ngăn nên đi về nhà.

Kết luận giám định tổn thương cơ thể trên người sống số 2298/KL-KTHS ngày 15/4/2026 của V1, Bộ C1 kết luận: Áp dụng phương pháp xác định tỷ lệ tổn thương cơ thể quy định tại Thông tư 22/2019/TT-BYT ngày 28/8/2019 của Bộ Y, xác định tổng tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của ông Mai Văn T2 tại thời điểm giám định là 11%.

Hành vi của bị cáo Phạm Văn T dùng tay đánh ông Mai Văn T2 gây thương tích 11% đã đủ yếu tố cấu thành tội phạm của tội “Cố ý gây thương tích” tội phạm, hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 134 của Bộ luật Hình sự.

[3] Xét tính chất của vụ án: Hành vi của bị cáo Phạm Văn T đã xâm phạm đến quyền được tôn trọng về sức khỏe được pháp luật bảo vệ; hành vi gây thương tích của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến trật tự trị an, an toàn xã hội, gây ảnh hưởng xấu trong khu vực dân cư. Do đó cần phải xử lý nghiêm, có hình phạt phù hợp nhằm giáo dục bị cáo và giáo dục chung cho xã hội.

[4] Xét về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại đề nghị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự với bị cáo là “Phạm tội có tính chất côn đồ”; xét thấy với mục đích là lên nói chuyện về việc ông T2 báo Công an về việc bị cáo kích điện, khi lên do lời qua tiếng lại ông T2 đã dùng gạch giơ lên dọa đánh bị cáo được mọi người can ngăn và sau đó xông lại dùng chân đạp bị cáo, nên bị cáo mới xông lại dùng tay đâm vào mặt ông T2, bị cáo gây thương tích cho ông T2 cũng không phải từ sự vô cớ, việc gây thương tích không có sự chuẩn bị về hung khí mà do sự bức xúc từ việc bị ông T2 đạp bị cáo; mặt khác người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại chấp nhận áp dụng tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo “Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng”, như vậy nếu áp dụng tình tiết “Phạm

tội có tính chất côn đồ” thì là tình tiết định khung hình phạt ở khoản 2 Điều 134 Bộ luật Hình sự, không “thuộc trường hợp ít nghiêm trọng”, nên không có căn cứ chấp nhận đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại.

Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[5] Xét về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bị cáo đã tự nguyện bồi thường thiệt hại một phần thiệt hại; bố bị cáo ông Phạm Văn V là bệnh binh, đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định của khoản 1, 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; do đó cần lượng giảm cho bị cáo một phần hình phạt thể hiện chính sách nhân đạo của pháp luật Nhà nước ta.

Xét đề nghị người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại không áp dụng “Người phạm tội ăn năn hối cải”, thấy rằng quá trình ông T2 điều trị tại Bệnh viện bị cáo đã thấy sai phạm của mình nên bản thân và cùng với vợ, mẹ đã lên thăm hỏi, xin lỗi bị hại (tại phiên tòa bị hại thừa nhận bị cáo có lên thăm hỏi ở Bệnh viện 01 lần và vợ, mẹ bị cáo vài lần ở Bệnh viện và ở nhà), tại phiên tòa sơ thẩm công khai bị cáo đã một lần nữa xin lỗi bị hại và xin được tha thứ; quá trình điều tra bị cáo cũng đã mong được thương lượng thỏa thuận bồi thường thiệt hại cho bị hại nhưng không được nên đã tự nguyện nộp số tiền 30.000.000 đồng vào Thi hành án dân sự để bồi thường cho bị hại, nên không có căn cứ chấp nhận đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại.

[5] Bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, bị cáo không có tình tiết tăng nặng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và có khả năng tự cải tạo, việc cho họ hưởng án treo không gây nguy hiểm cho xã hội, không gây ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự nên không cần thiết cách ly bị cáo khỏi xã hội mà cho bị cáo cải tạo tại địa phương dưới sự giám sát của chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú là phù hợp với quy định của Văn bản hợp nhất số 03/VBHN-TANDTC ngày 10 tháng 7 năm 2025 của Tòa án nhân dân tối cao về Nghị quyết hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự về án treo.

[6] Về bồi thường dân sự: Bị cáo đã gây thương tích cho ông Mai Văn T2 phải chi phí cứu chữa, điều trị gồm: Các chi phí điều trị theo hóa đơn bị hại cung cấp tại Bệnh viện Đ gồm tiền xe cấp cứu 500.000 đồng; tiền viện phí (ngày 26/10/2025) là 550.100 đồng; tiền thuốc (ngày 08/11/2025) là 820.000 đồng; tiền khám bệnh ngày 08/11/2025 là 1.236.333 đồng; phí khám bệnh (ngày 10/11/2025) là 1.220.000 đồng; tiền viện phí Bệnh viện Đ (ngày 07/11/2025) là 7.078.391 đồng; tiền thuốc (ngày 29/12/2025) là 603.500 đồng (không có hóa đơn); các chi phí theo hóa đơn bị hại cung cấp tại Khoa phục hồi chức năng Bệnh viện Đa khoa tỉnh T gồm phí dịch vụ khám, chữa bệnh (ngày 12/01/2026) là 2.350.000 đồng; phí dịch vụ khám, chữa bệnh (ngày 23/01/2026) là 91.500 đồng; tổng 14.449.824 đồng, đây là các chi phí hợp lý và tại phiên tòa bị cáo chấp nhận các khoản bồi thường chi phí này; ông T2 nằm viện từ ngày 26/10/2025 đến ngày 07/11/2025 ở

Bệnh viện Đ và từ ngày 12/01/2026 đến ngày 23/01/2026 ở Khoa phục hồi chức năng Bệnh viện Đa khoa tỉnh T (có bệnh án kèm theo), trong thời gian nằm viện có một người chăm sóc, theo yêu cầu của bị hại là thời gian nằm viện 25 ngày, với mức 200.000 đồng/ngày, tổng 5.000.000 đồng là phù hợp với công lao động phổ thông hiện nay tại địa phương; tiền thu nhập thực tế bị mất 25 ngày nằm viện và 03 tháng nằm tĩnh dưỡng tổng là 14.000.000 đồng, tại phiên tòa bị cáo đồng ý các khoản bồi thường trên; xét thấy việc tự nguyện thỏa thuận của bị cáo không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên chấp nhận sự thỏa thuận của bị cáo với bị hại.

Do thương tích của ông T2 phải chịu tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể 11% sức khỏe nên cần buộc phải bồi thường một khoản tiền bù đắp tổn thất về tinh thần và tại phiên tòa bị hại và bị cáo đề nghị khoản bù đắp tổn thất về tinh thần theo quy định của pháp luật; xét thấy bị cáo và bị hại không tự thỏa thuận được về mức bồi thường và mức tổn thương cơ thể của ông T2 là 11%, nên buộc bị cáo bồi thường theo quy định tại Điều 590 Bộ luật Dân sự; cụ thể 12 tháng lương cơ sở là 2.340.000 đồng x 12 tháng = 28.080.000 đồng là phù hợp.

Đối với việc trồng 04 chiếc răng nay bị hại chưa trồng người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại đề nghị được giải quyết trong vụ án; xét thấy rằng do bị hại chưa thực hiện việc trồng răng nên chưa xác định được thiệt hại thực tế xảy ra nên giành quyền dân sự cho bị hại theo quy định của pháp luật dân sự.

Số tiền 30.000.000 đồng bị cáo đã nộp tại cơ quan Thi hành án dân sự theo Biên lai thu tiền Ký hiệu: BLTT/26E số 0001006 ngày 29/4/2026 được trừ vào số tiền bị cáo phải bồi thường cho ông T2, số còn lại buộc bị cáo phải bồi thường tiếp và tiếp tục quy trừ số tiền trên tại cơ quan Thi hành án dân sự để đảm bảo thi hành án dân sự.

[7] Về án phí: Bị cáo là người bị kết án phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án hình sự theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 134; điểm b, i, s khoản 1, 2 Điều 51; khoản 1, 2, 5 Điều 65; Điều 48 của Bộ luật Hình sự;

Khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Điều 584; 585; 590; 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự;

Khoản 1, 3 Điều 21; điểm a, c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên bố: Bị cáo Phạm Văn T phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

Xử phạt: Bị cáo Phạm Văn T **12** (*Mười hai*) tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách **24** (*Hai mươi bốn*) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Trong thời gian thử thách giao bị cáo Phạm Văn T cho Ủy ban nhân dân xã L, tỉnh Thanh Hóa để giám sát và giáo dục. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Bồi thường thiệt hại: Chấp nhận việc thỏa thuận bị cáo bồi thường cho ông Mai Văn T2 các khoản tiền sau:

- Chi phí cho việc cứu chữa, điều trị 14.449.824 đồng;
- Thu nhập thực tế bị mất của bị hại 14.000.000 đồng;
- Chi phí thu nhập thực tế bị mất của người chăm sóc người bị thiệt hại trong thời gian điều trị 5.000.000 đồng;

Buộc bị cáo Phạm Văn T có nghĩa vụ bồi thường cho ông Mai Văn T2 tiền bù đắp tổn thất về tinh thần mà bị hại phải gánh chịu 28.080.000 đồng.

Tổng **61.529.824** đồng, được trừ 30.000.000 đồng (đã nộp tại Thi hành án dân sự), còn lại **31.529.824** đồng (*Ba mươi một triệu, năm trăm hai mươi chín nghìn, tám trăm hai mươi tư đồng*).

Tiếp tục quy trừ số tiền 30.000.000 đồng tại Thi hành án dân sự tỉnh Thanh Hóa theo Biên lai thu tiền Ký hiệu: BLTT/26E số 0001006 ngày 29/4/2026 để đảm bảo việc thi hành án dân sự.

Dành quyền dân sự cho ông Mai Văn T2 về các chi phí cho việc trồng 04 chiếc rừng theo quy định về pháp luật dân sự.

Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà bên phải thi hành án không thi hành hoặc thi hành không đầy đủ thì phải chịu trả lãi đối với số tiền chậm trả theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

Án phí: Buộc bị cáo Phạm Văn T chịu 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm và 1.576.500 (làm tròn) đồng (*Một triệu, năm trăm bảy mươi sáu nghìn, năm trăm đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND khu vực 6 - Thanh Hóa;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Thanh Hóa;
- Cơ quan THAHS Công an tỉnh Thanh Hóa;
- Cơ quan THADS tỉnh Thanh Hóa;
- Bị cáo, bị hại;
- Lưu hồ sơ vụ án.



TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Ngọc Thắng